

Số: 719 /VEAM-TCKT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

V/v: Giải trình LNST thay đổi từ 10% trở lên so với
cùng kỳ năm trước

TỔNG
CÔNG TY
MÁY
ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY
NÔNG
NGHIỆP
VIỆT NAM
CTCP

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM -
CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=
TÂY HỒ, CN=TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM -
CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0100103866
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.30 09:38:06
+0700
Foxit PDF Editor Version:
13.1.2

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/
State Securities Commission of Vietnam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange;
- Quý cổ đông/ Esteemed Shareholders.

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) với mã chứng khoán VEA giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước như sau:

Vietnam Engine and Agricultural Machinery Corporation (VEAM), under the stock code VEA, provides an explanation regarding the net profit after corporate income tax changed by 10% or more compared to the same period last year, as follows:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated financial statements

Bảng/Tables 1: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế Quý III/2026/
Fluctuations in the income statement for the third quarter of 2026

Chỉ tiêu/ Items	Lũy kế Quý III/2026/ Third Quarter (VND)	Lũy kế Quý III/2025/ Third Quarter (VND)	Chênh lệch/ Difference	
			Giá trị/ Value (VND)	(%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue from sale of goods and services	3.826.972.658.533	3.177.139.820.558	649.832.837.975	20%
Giá vốn hàng bán/ Costs of goods sold	3.253.379.656.219	2.706.173.990.617	547.205.665.602	20%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross income from sale of goods and services	573.593.002.314	470.965.829.941	102.627.172.373	22%
Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	908.275.065.793	675.626.646.599	232.648.419.194	34%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết/ Profit or loss in joint venture, associate	5.125.736.901.981	4.659.901.131.315	465.835.770.666	10%
Chi phí bán hàng/ Selling expenses	82.621.164.722	66.728.784.630	15.892.380.092	24%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General administration expenses	379.963.722.153	352.078.271.920	27.885.450.233	8%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after corporate income tax	5.891.852.557.417	5.230.680.760.080	661.171.797.337	13%

Đ.N. 0100103
TỔNG CÔNG
TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY
NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
CTCP
THÀNH PHỐ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất lũy kế quý III/2026 tăng 13% tương đương 661.171.797.337 đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

Consolidated profit after corporate income tax in the third quarter of 2026 increased by 13%, equivalent to VND 661,171,797,337 compared to the same period last year, mainly due to:

- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng 10% tương đương 465.835.770.666 đồng/ *Profit or loss in joint venture, associate increasing by 10%, equivalent to VND 465,835,770,666.*

- Doanh thu hoạt động tài chính (chủ yếu lãi tiền gửi ngân hàng) tăng 34% tương đương 232.648.419.194 đồng/ *Financial income (mainly interest on bank deposits) increased by 34%, equivalent to VND 232,648,419,194.*

2. Báo cáo tài chính riêng/ *Separate financial statements*

**Bảng/Tables 2: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh Quý III/2026/
*Fluctuations in the income statement for the third quarter of 2026***

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Quý III/2026/ <i>Third Quarter</i> (VND)	Quý III/2025/ <i>Third Quarter</i> (VND)	Chênh lệch/ <i>Difference</i>	
			Giá trị/ <i>Value</i> (VND)	(%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Doanh thu thuần về BH & CCDV/ <i>Revenue from sale of goods and services</i>	176.648.904.367	104.692.244.810	71.956.659.557	69%
Giá vốn hàng bán/ <i>Cost of goods sold</i>	160.740.996.902	94.546.838.175	66.194.158.727	70%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV/ <i>Gross profit from sale of goods and services</i>	15.907.907.465	10.145.406.635	5.762.500.830	57%
Doanh thu hoạt động tài chính/ <i>Financial income</i>	404.322.626.435	269.433.622.364	134.889.004.071	50%
Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	4.881.478.646	4.979.247.851	(97.769.205)	-2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>General and administrative expenses</i>	46.826.313.743	36.193.450.133	10.632.863.610	29%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ <i>Current Corporate income tax expenses</i>	62.763.693.000	42.492.623.811	20.271.069.189	48%
Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	306.941.411.840	199.385.347.521	107.556.064.319	54%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất lũy kế quý III/2026 tăng 54% tương đương 107.556.064.319 đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (chủ yếu lãi tiền gửi ngân hàng) tăng 50% tương đương 134.889.004.071 đồng.

Profit after corporate income tax in the third quarter of 2026 increased by 54%, equivalent to VND 107,556,064,319 compared to the same period last year, mainly due to Financial income (mainly interest on bank deposits) increased by 50%, equivalent to VND 134,889,004,071.

Trân trọng/ Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- BKS;
- Các PTGD;
- CBTT;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC/
GENERAL DIRECTOR *sm*



Nguyễn Hoàng Giang

866-C.T.C.P
IG TY
LỰC VÀ
NGHIỆP
IAM
P
HÀ NỘI